

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ LĨNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07/8/2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lưu Văn Hòa.

2. Bà: La Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B. Sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Quang P. Sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Hoàng Thị B trình bày như sau: Chị và anh Lê Quang P xây dựng gia đình có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Lê Hoàng D, sinh ngày 18/12/2014. Tuy nhiên, đến

khoảng tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh P mắc vào tệ nạn xã hội (nghiện ma túy), không chịu khó làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P không nghe, anh P nhiều lần có hành vi đánh chị. Chị cùng cháu D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được hơn một năm nay. Hiện nay, mâu thuẫn giữa chị và anh P không thể hòa giải được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang P.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang P trình bày như sau:*

Anh và chị B kết hôn năm 2014, lấy nhau tự nguyện, được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Lê Hoàng D, sinh năm 2014 hiện đang ở với chị B. Đến năm 2016, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì thêm.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh Lê Quang P; về con chung: giao cháu Lê Hoàng D cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:

- Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Anh P và chị B đã được Tòa án triệu tập đến để tiến hành hòa giải. Tại biên bản hòa giải ngày ngày 18/4/2019 hai bên không thống nhất được vấn đề về nuôi con chung nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về việc anh Lê Quang P vắng mặt tại phiên tòa, anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh P kết hôn năm 2014, trên cơ sở có tìm hiểu nhau, tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Lê Hoàng D, sinh năm 2014. Tuy nhiên, mâu thuẫn hai vợ chồng đã phát sinh từ khoảng tháng 9/2016, nguyên nhân là do anh P đã mắc vào tệ nạn xã hội và nhiều lần có hành vi đánh chị B và chị B cùng cháu D đã về nhà bố mẹ sống hơn 01 năm nay. Tòa án nhận định anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Lê Quang P.

[2]. *Về con chung*: Cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 18/12/2014 hiện nay đang sống với chị B. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh P đều yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D sau khi ly hôn. Tuy nhiên, xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, Tòa án thấy rằng chị B có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, Tòa án quyết định giao con chung là cháu Lê Hoàng D cho Chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về yêu cầu nuôi con chung của anh P: Theo đơn xin xét xử vắng mặt của anh P thì hiện nay anh P đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng về hành vi vi phạm pháp luật. Tòa án xét thấy, anh P đang bị tạm giam nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vậy nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh P.

Theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3]. *Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị B và anh P đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của các đương sự.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị B và anh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Lê Quang P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 18/12/2014 cho Chị Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. (Xác nhận chị Biểu đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: AA/2011/02147 ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- UBND xã C,
huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Khánh Dân